TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kham Ly

2. Bà Trần Thị Năm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 29/9/2023, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc G trình bày tóm tắt như sau: Bà G và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau năm 1990, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2001, số 103/2002. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1993 và Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1996. Trong thời gian chung sống, cả hai thường xuyên cãi nhau, ông D không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về chửi bới, xúc phạm bà G, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2017, do ông D phải chấp hành án phạt tù, vợ chồng

đã không còn sống chung với nhau. Nay ông D đã chấp hành xong án tù và trở về địa phương sinh sống, nhưng không thay đổi tính tình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D. Các con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, về cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là ông Nguyễn Văn D, thể hiện yêu cầu ly hôn của bà G, nhưng ông D không có ý kiến trình bày nào gởi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn là anh Nguyễn Văn D không tham gia phiên họp, không tham gia phiên hòa giải. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu c đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 1990, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2001, số 103/2002, nên quan hệ hôn nhân của bà G và ông D là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà G thấy rằng: Bà G xác định vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, cả hai đã không còn sống chung với nhau từ lâu, nên mới khởi kiện xin ly hôn với ông D. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh Nguyễn Văn D thể hiện yêu cầu ly hôn của bà G, nhưng ông D không có ý kiến trình bày nào gởi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà G. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông D.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu số 0001999 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí, nên bà G không phải nộp tiếp. Ông D không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Thạnh;
-Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
-Đương sự;
-UBND xã Kiến Bình;
-Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Khánh